

Số: 25./2026/TDC-CBTT
V/v CBTT BCTC kiểm toán năm 2025

TP.HCM, ngày 25 tháng 03.. năm 2026

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC**

Kính gửi: ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC

Tên Công ty : CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN
THÁI DƯƠNG

Địa chỉ : Phòng 28-10, Tầng 28, Tòa nhà Petroland, 12 Tân Trào, P. Tân Phú, Quận
7, TP.HCM

Điện thoại : +84.2854160779 Fax: +84.285416780

Email : info@thaiduongcapital.com.vn

Người thực hiện công bố thông tin: Lê Quỳnh Chi

Địa chỉ : 1-15-5, Chung cư Phú Mỹ, Khu phố 1, P.Tân Mỹ, TP.HCM

Điện thoại : +84.2854160779 Fax: +84.285416780

Loại thông tin công bố:

24h 72h Yêu cầu Bất thường Định kỳ

(Công ty đánh dấu X vào mục cần công bố)

Nội dung thông tin công bố:

Công bố thông tin Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2025 của Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Đầu tư Chứng khoán Thái Dương.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu, HC-VP.

Người thực hiện công bố thông tin



Lê Quỳnh Chi

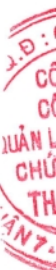
**CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ
CHỨNG KHOÁN THÁI DƯƠNG**

Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025
đã được kiểm toán



MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	02 – 03
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	04 – 05
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
<i>Bảng cân đối kế toán</i>	06 – 09
<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh</i>	10
<i>Báo cáo lưu chuyển tiền tệ</i>	11
<i>Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu</i>	12
<i>Bản thuyết minh Báo cáo tài chính</i>	13 – 27



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Thái Dương (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025.

Khái quát

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Thái Dương là công ty cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy phép số 46/UBCK-GP do Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước cấp ngày 20 tháng 01 năm 2009 và các Giấy phép điều chỉnh như sau: Giấy phép điều chỉnh số 69/UBCK-GP ngày 27 tháng 4 năm 2010, giấy phép điều chỉnh số 20/GPĐC-UBCK ngày 4 tháng 7 năm 2013, giấy phép điều chỉnh số 24/GPĐC-UBCK ngày 09 tháng 09 năm 2015, giấy phép điều chỉnh số 31/GPĐC-UBCK ngày 08 tháng 12 năm 2015, giấy phép điều chỉnh số 05/GPĐC-UBCK ngày 26 tháng 05 năm 2016, giấy phép điều chỉnh số 15/GPĐC-UBCK ngày 31 tháng 03 năm 2020, giấy phép điều chỉnh số 52/GPĐC-UBCK ngày 17 tháng 08 năm 2020 và giấy phép điều chỉnh số 94/GPĐC-UBCK ngày 24 tháng 11 năm 2023.

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0306904274 do Phòng đăng ký kinh doanh Sở kế hoạch và đầu tư TPHCM cấp đăng ký lần đầu ngày 20/01/2009, thay đổi lần thứ 9 ngày 11/12/2023.

Hoạt động chính của Công ty là: Lập và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán; Tư vấn đầu tư chứng khoán; Quản lý danh mục đầu tư chứng khoán.

Vốn điều lệ của Công ty là 29.000.000.000 đồng (tương đương 2.900.000 cổ phần, mệnh giá cổ phần là 10.000 đồng/cổ phần).

Trụ sở chính của Công ty đặt tại Phòng 28-10, Tầng 28, Tòa nhà Petroland, Số 12 Tân Trào, P.Tân Mỹ, TP.HCM.

Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc, Kế toán trưởng, Bộ phận kiểm soát nội bộ, Bộ phận kiểm toán nội bộ trong năm và đến ngày lập báo cáo này như sau:

Hội đồng Quản trị

Họ và tên	Chức vụ
Bà Cao Ngọc Diệp	Chủ tịch
Bà Lê Quỳnh Chi	Phó Chủ tịch thường trực
Bà Nguyễn Thị Mai Hoa	Phó Chủ tịch
Bà Nguyễn Thị Thuý	Thành viên
Ông Phạm Quang Thành	Thành viên độc lập

Ban Giám đốc và Kế toán trưởng

Họ và tên	Chức vụ
Ông Cao Duy Đông	Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Phương Dung	Kế toán trưởng

Bộ phận kiểm soát nội bộ

Họ và tên	Chức vụ
Bà Lê Thị Ánh Linh	Trưởng bộ phận

Bộ phận kiểm toán nội bộ

Họ và tên	Chức vụ
Bà Trần Thị Thiên Hương	Trưởng bộ phận

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này là Bà Cao Ngọc Diệp

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán NVA đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho Công ty.

Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với báo cáo tài chính

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty đã phê chuẩn báo cáo tài chính đính kèm từ trang 06 đến trang 27 và cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2025, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán áp dụng cho Công ty quản lý quỹ theo Thông tư 125/2011/TT-BTC ngày 05/09/2011 của Bộ Tài chính và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Giám đốc



CAO DUY ĐÔNG

Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 03 năm 2026

Số: 23.05.1.3/25/BCTC/NVA

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi:

**Quý cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Thái Dương**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Thái Dương, được lập ngày 16 tháng 03 năm 2026, từ trang 06 đến trang 27, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Thái Dương tại ngày 31/12/2025 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán áp dụng cho Công ty quản lý quỹ theo Thông tư 125/2011/TT-BTC ngày 05/09/2011 của Bộ Tài chính và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 03 năm 2026

Công ty TNHH Kiểm toán NVA



Cao Thị Hồng Nga
Số giấy chứng nhận ĐKHN
kiểm toán: 0613-2023-152-1

Kiểm toán viên

Bùi Duy Phương Thanh
Số giấy chứng nhận ĐKHN
kiểm toán: 5425-2025-152-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Cuối năm	Đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		27.050.602.092	27.075.133.258
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	17.308.970.604	17.659.852.082
1. Tiền	111		17.308.970.604	17.659.852.082
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		9.412.735.722	9.412.735.722
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.02	9.412.735.722	9.412.735.722
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		325.623.038	-
1. Phải thu khách hàng	131		-	-
2. Trả trước cho người bán	132		-	-
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu hoạt động nghiệp vụ	134	V.03	324.565.321	-
5. Các khoản phải thu khác	135		1.057.717	-
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		-	-
1. Hàng tồn kho	141		-	-
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		3.272.728	2.545.454
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.04	3.272.728	2.545.454
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản phải thu nhà nước	154		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính Phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158		-	-

CÔNG TY CP QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN THÁI DƯƠNG

Phòng 28-10, Tầng 28, Tòa nhà Petroland, Số 12 Tân Trào, P.Tân Mỹ, TP.HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		8.618.990	26.391.374
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	5.490.000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị phụ thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218	V.05	-	5.490.000
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		-	-
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.06	-	-
- Nguyên giá	222		-	30.618.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		-	(30.618.000)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		-	-
III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258		-	-
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		8.618.990	20.901.374
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.07	8.618.990	20.901.374
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		27.059.221.082	27.101.524.632

CÔNG TY CP QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN THÁI DƯƠNG

Phòng 28-10, Tầng 28, Tòa nhà Petroland, Số 12 Tân Trào, P.Tân Mỹ, TP.HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Cuối năm	Đầu năm
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		124.266.870	275.959.241
I. Nợ ngắn hạn	310		124.266.870	275.959.241
1. Vay ngắn hạn	311		-	-
2. Phải trả người bán	312		-	-
3. Người mua trả tiền trước	313		-	22.440.986
4. Thuế và các khoản phải trả Nhà nước	314	V.08	7.131.762	32.583.140
5. Phải trả người lao động	315		95.331.652	190.862.285
6. Chi phí phải trả	316	V.9	21.803.456	30.072.830
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Các khoản phải trả phải nộp ngắn hạn khác	319		-	-
9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
10. Quỹ khen thưởng và phúc lợi	323		-	-
11. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
12. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	328		-	-
II. Nợ dài hạn	330		-	-
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334		-	-
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học công nghệ	339		-	-
B. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	V.10	26.934.954.212	26.825.565.391
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		29.000.000.000	29.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ (*)	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		-	-
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		-	-
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(2.065.045.788)	(2.174.434.609)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		27.059.221.082	27.101.524.632

CÔNG TY CP QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN THÁI DƯƠNG

Phòng 28-10, Tầng 28, Tòa nhà Petroland, Số 12 Tân Trào, P.Tân Mỹ, TP.HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)****CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Cuối năm	Đầu năm
1. Tài sản cố định thuê ngoài	001		-	-
2. Vật tư, chứng chỉ có giá nhận giữ hộ	002		-	-
3. Tài sản nhận ký cược	003		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý	004		3.179.433.690	3.179.433.690
5. Ngoại tệ các loại (USD)	005		-	-
6. Chứng khoán lưu ký của công ty quản lý quỹ	006		-	-
Trong đó:				
6.1. Chứng khoán giao dịch	007		-	-
6.2. Chứng khoán tạm dừng giao dịch	008		-	-
6.3. Chứng khoán cầm cố	009		-	-
6.4. Chứng khoán tạm giữ	010		-	-
6.5. Chứng khoán chờ thanh toán	011		-	-
6.6. Chứng khoán phong tỏa chờ rút	012		-	-
6.7. Chứng khoán chờ giao dịch	013		-	-
6.8. Chứng khoán quỹ đảm bảo khoản vay	014		-	-
6.9. Chứng khoán sửa lỗi giao dịch	015		-	-
7. Chứng khoán chưa lưu ký của Công ty quản lý quỹ	020		8.562.370.000	8.562.370.000
8. Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác	030	V.11	2.285.064	2.280.500
- Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác trong nước	031		2.285.064	2.280.500
- Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác nước ngoài	032		-	-
9. Danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác	040	V.12	3.810.500.000	3.810.500.000
9.1 Nhà đầu tư ủy thác trong nước	041		3.810.500.000	3.810.500.000
9.1 Nhà đầu tư ủy thác nước ngoài	041		-	-
10. Các khoản phải thu của nhà đầu tư ủy thác	050		-	-
11. Các khoản phải trả của nhà đầu tư ủy thác	051	V.14	-	-

Người lập biểu



Nguyễn Thị Phương Dung

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 03 năm 2026

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Phương Dung

Tổng Giám đốc



Cao Duy Đông

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
 Năm 2025

Đơn vị tính: VND

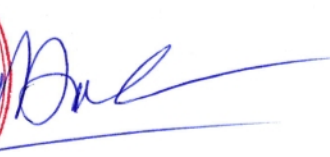
CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu	01	VI.01	3.243.697.233	3.695.419.014
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02			
3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh	10		3.243.697.233	3.695.419.014
4. Chi phí hoạt động kinh doanh, giá vốn hàng bán	11	VI.02	1.123.680.742	1.358.282.318
5. Lợi nhuận gộp hoạt động kinh doanh	20		2.120.016.491	2.337.136.696
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	305.822	91.419.648
7. Chi phí tài chính	22			-
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	24	VI.04	2.004.028.617	2.361.600.470
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		116.293.696	66.955.874
10. Thu nhập khác	31		2.963.966	-
11. Chi phí khác	32		9.868.841	-
12. Lợi nhuận khác	40		(6.904.875)	-
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		109.388.821	66.955.874
14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.05	-	-
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		109.388.821	66.955.874
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.06	37,72	23,09

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Phương Dung

Nguyễn Thị Phương Dung

Cao Duy Đông

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 03 năm 2026

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm 2025

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ hoạt động nghiệp vụ, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	2.896.690.926	3.836.944.242
2. Tiền chi trả cho hoạt động nghiệp vụ và người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(348.725.925)	(413.790.070)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(2.285.834.014)	(2.732.765.683)
4. Tiền lãi vay đã trả	04	-	-
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	-	-
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	87.249.415	56.179.550
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(700.567.702)	(651.608.266)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(351.187.300)	94.959.773
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	-	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	100.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	305.822	31.419.648
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	305.822	131.419.648
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	-	-
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(350.881.478)	226.379.421
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	17.659.852.082	17.433.472.661
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	17.308.970.604	17.659.852.082

Người lập biểu



Nguyễn Thị Phương Dung

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Phương Dung

Tổng Giám đốc




Cao Duy Đông

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 03 năm 2026

CÔNG TY CP QUẢN LÝ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN THÁI DƯƠNG
 Phòng 28-10, Tầng 28, Tòa nhà Petroland, Số 12 Tân Trào, P. Tân Mỹ, TP.HCM
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU
 Năm 2025

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Số dư đầu năm		Số tăng/giảm				Số dư cuối năm	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay		Năm trước		Năm nay	Năm trước
	Đầu năm	Đầu năm	Tăng	Giảm	Tăng	Giảm	Cuối năm	Cuối năm
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	29.000.000.000	29.000.000.000	-	-	-	-	29.000.000.000	29.000.000.000
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (*)	(2.174.434.609)	(2.339.721.600)	109.388.821	-	66.955.874	-	(2.065.045.788)	(2.272.765.726)
Cộng	26.825.565.391	26.660.278.400	109.388.821	-	66.955.874	-	26.934.954.212	26.727.234.274

(*) Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối:

- Tăng trong năm trước là do kết quả hoạt động kinh doanh năm trước lãi
- Tăng trong năm nay là do kết quả hoạt động kinh doanh năm nay lãi.

Người lập biểu



Nguyễn Thị Phương Dung

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 03 năm 2026

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Phương Dung



Cao Duy Đông

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2025

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Thái Dương là công ty cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy phép số 46/UBCK-GP do Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước cấp ngày 20 tháng 01 năm 2009 và các Giấy phép điều chỉnh như sau: Giấy phép điều chỉnh số 69/UBCK-GP ngày 27 tháng 4 năm 2010, giấy phép điều chỉnh số 20/GPĐC-UBCK ngày 4 tháng 7 năm 2013, giấy phép điều chỉnh số 24/GPĐC-UBCK ngày 09 tháng 09 năm 2015, giấy phép điều chỉnh số 31/GPĐC-UBCK ngày 08 tháng 12 năm 2015, giấy phép điều chỉnh số 05/GPĐC-UBCK ngày 26 tháng 05 năm 2016, giấy phép điều chỉnh số 15/GPĐC-UBCK ngày 31 tháng 03 năm 2020, giấy phép điều chỉnh số 52/GPĐC-UBCK ngày 17 tháng 08 năm 2020 và giấy phép điều chỉnh số 94/GPĐC-UBCK ngày 24 tháng 11 năm 2023.

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0306904274 do Phòng đăng ký kinh doanh Sở kế hoạch và đầu tư TPHCM cấp đăng ký lần đầu ngày 20/01/2009, thay đổi lần thứ 9 ngày 11/12/2023.

Vốn điều lệ của Công ty là 29.000.000.000 đồng (tương đương 2.900.000 cổ phần, mệnh giá cổ phần là 10.000 đồng/cổ phần).

Trụ sở chính của Công ty đặt tại Phòng 28-10, Tầng 28, Tòa nhà Petroland, Số 12 Tân Trào, P.Tân Mỹ, TP. HCM.

Số lượng nhân viên của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 19 người (số đầu năm là 19 người).

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là: Lập và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán; Tư vấn đầu tư chứng khoán; Quản lý danh mục đầu tư chứng khoán.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ Tài chính, Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC và Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 05 tháng 09 năm 2011 về việc hướng dẫn kế toán áp dụng cho Công ty quản lý Quỹ. Thông tư 125/2011/TT-BTC có quy định những nội dung kế toán không hướng dẫn trong Thông tư này Công ty quản lý Quỹ thực hiện theo quy định tại Luật Kế toán, các văn bản hướng dẫn Luật Kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các Thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán, Thông tư hướng dẫn sửa đổi, bổ sung chế độ kế toán doanh nghiệp.

CÔNG TY CP QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN THÁI DƯƠNG

Phòng 28-10, Tầng 28, Tòa nhà Petroland, Số 12 Tân Trào, P.Tân Mỹ, TP.HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Ngày 22/12/2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC về hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC và Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009. Thông tư số 200/2014/TT-BTC được áp dụng cho việc ghi sổ, lập và trình bày các báo cáo tài chính từ năm 2015. Tuy nhiên, Bộ Tài chính chưa ban hành các hướng dẫn thay thế cho Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 05 tháng 09 năm 2011. Do vậy nên Công ty vẫn áp dụng các quy định tại Thông tư số 125/2011/TT-BTC cho báo cáo tài chính năm 2025.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán: Nhật ký chung.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối kỳ các khoản mục có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá mua vào của ngân hàng mà Công ty có tài khoản công bố vào ngày kết thúc niên độ kế toán.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối kỳ được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

2. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên các báo cáo tài chính theo giá trị sổ sách các khoản phải thu từ khách hàng và các khoản phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc năm tài chính. Tăng hoặc giảm số tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả kinh doanh.

Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 01 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn;

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 01 năm (hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn

3. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

CÔNG TY CP QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN THÁI DƯƠNG
Phòng 28-10, Tầng 28, Tòa nhà Petroland, Số 12 Tân Trào, P.Tân Mỹ, TP.HCM
BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Loại tài sản	Thời gian khấu hao (năm)	
	Kỳ này	Kỳ trước
- Thiết bị quản lý	05	05

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng và tuân thủ theo tỷ lệ khấu hao được xác định theo quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài Chính và các quy định khác.

4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư chứng khoán tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là " tương đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn;

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

Giá trị hợp lý của các chứng khoán niêm yết được xác định trên cơ sở giá giao dịch trên thị trường chứng khoán. Đối với các chứng khoán chưa niêm yết thì giá trị hợp lý được xác định trên cơ sở giá giao dịch bình quân trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UpCoM) đối với các công ty đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết, hoặc giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch được cung cấp tối thiểu bởi ba công ty chứng khoán tại thời điểm 31/12/2025 đối với các công ty chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng. Các chứng khoán không có giá tham khảo từ các nguồn được đánh giá giá trị hợp lý theo giá trị ghi sổ.

5. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chi liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

6. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

7. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

8. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong

CÔNG TY CP QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN THÁI DƯƠNG
Phòng 28-10, Tầng 28, Tòa nhà Petroland, Số 12 Tân Trào, P.Tân Mỹ, TP.HCM
BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động nghiệp vụ: được xác định theo các loại sau:

- Doanh thu hoạt động quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, Công ty đầu tư chứng khoán: là khoản thu về phí Công ty quản lý quỹ được hưởng từ hoạt động quản lý các quỹ đầu tư chứng khoán, Công ty đầu tư chứng khoán;
- Doanh thu hoạt động quản lý danh mục đầu tư chứng khoán: Là khoản phí Công ty quản lý Quỹ được hưởng từ việc quản lý danh mục đầu tư chứng khoán cho nhà đầu tư ủy thác;
- Doanh thu từ phí thường hoạt động: Là khoản tiền thường Công ty quản lý quỹ được hưởng khi tỷ lệ tăng trưởng giá trị tài sản ròng của quỹ đầu tư chứng khoán, giá trị danh mục ủy thác đầu tư cho Công ty quản lý tăng cao hơn so với một tỷ lệ tham chiếu được nhà đầu tư chấp thuận;
- Doanh thu hoạt động tư vấn đầu tư chứng khoán: Là khoản phí công ty quản lý quỹ được hưởng từ việc tư vấn đầu tư chứng khoán cho khách hàng.
- Doanh thu khác: Là khoản phí công ty quản lý quỹ được hưởng từ các khoản doanh thu khác ngoài các khoản doanh thu nêu trên.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

9. Nguyên tắc ghi nhận chi phí hoạt động kinh doanh

Chi phí hoạt động kinh doanh phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; tiền thuê nhà, thuê môn bài; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...).

10. Nguyên tắc ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm: Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính; Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ; Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư tài chính dài hạn.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

11. Nguyên tắc ghi nhận chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

CÔNG TY CP QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN THÁI DƯƠNG

Phòng 28-10, Tầng 28, Tòa nhà Petroland, Số 12 Tân Trào, P.Tân Mỹ, TP.HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động bao gồm Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

13. Báo cáo bộ phận

Báo cáo theo bộ phận bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh hoặc một bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh: Là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này chịu rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý: Là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có chịu rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

14. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu ngắn hạn, các khoản phải thu khác và các khoản đầu tư.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, người mua trả trước, chi phí phải trả, phải trả khác và các khoản vay.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận;
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

15. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

CÔNG TY CP QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN THÁI DƯƠNG
 Phòng 28-10, Tầng 28, Tòa nhà Petroland, Số 12 Tân Trào, P.Tân Mỹ, TP.HCM
BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền	Cuối năm VND	Đầu năm VND
Tiền mặt	222.567.556	151.756.078
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	17.086.403.048	17.508.096.004
Cộng	17.308.970.604	17.659.852.082
2. Đầu tư ngắn hạn (xem phụ lục 01)		
3. Các khoản phải thu hoạt động nghiệp vụ	Cuối năm VND	Đầu năm VND
Phải thu từ hoạt động quản lý quỹ	324.565.321	-
Cộng	324.565.321	-
4. Chi phí trả trước ngắn hạn	Cuối năm VND	Đầu năm VND
Giá trị còn lại của công cụ dụng cụ	-	-
Chi phí khác chờ phân bổ	3.272.728	2.545.454
Cộng	3.272.728	2.545.454
5. Phải thu dài hạn khác	Cuối năm VND	Đầu năm VND
Ký quỹ, ký cược dài hạn	-	5.490.000
Phải thu dài hạn khác	-	-
Cộng	-	5.490.000

CÔNG TY CP QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN THÁI DƯƠNG

Phòng 28-10, Tầng 28, Tòa nhà Petroland, Số 12 Tân Trào, P.Tân Mỹ, TP.HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)****6. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	<u>Thiết bị dụng cụ quản lý</u>
Nguyên giá TSCĐ hữu hình	
Số dư đầu năm	30.618.000
Số tăng trong năm	-
Số giảm trong năm	30.618.000
Số dư cuối năm	-
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm	30.618.000
Số tăng trong năm	-
- <i>Khấu hao trong năm</i>	-
Số giảm trong năm	30.618.000
Số dư cuối năm	-
Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình	
Tại ngày đầu năm	-
Tại ngày cuối năm	-
- Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:	-

7. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>Cuối năm VND</u>	<u>Đầu năm VND</u>
Giá trị còn lại của công cụ dụng cụ	7.458.592	18.646.468
Chi phí khác chờ phân bổ	1.160.398	2.254.906
Cộng	8.618.990	20.901.374

8. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	<u>Cuối năm VND</u>	<u>Đầu năm VND</u>
Thuế thu nhập cá nhân	7.131.762	5.923.420
Thuế và các khoản phải nộp khác	-	26.659.720
Cộng	7.131.762	32.583.140

9. Chi phí phải trả

	<u>Cuối năm VND</u>	<u>Đầu năm VND</u>
Trích trước phí kiểm toán	20.000.000	22.000.000
Chi phí phải trả khác	1.803.456	8.072.830
Cộng	21.803.456	30.072.830

CÔNG TY CP QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN THÁI DƯƠNG
 Phòng 28-10, Tầng 28, Tòa nhà Petroland, Số 12 Tân Trào, P.Tân Mỹ, TP.HCM
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

10. Vốn chủ sở hữu

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Số dư đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số dư cuối năm
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	29.000.000.000	-	-	29.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	-	-	-	-
3. Cổ phiếu quỹ	-	-	-	-
4. Quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	-
5. Quỹ dự phòng tài chính	-	-	-	-
6. LN sau thuế chưa phân phối	(2.174.434.609)	109.388.821	-	(2.065.045.788)
Cộng	26.825.565.391	109.388.821	-	26.934.954.212

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ	Cuối năm VND	Tỷ lệ	Đầu năm VND
Vốn góp của cổ đông là pháp nhân	0%	-	0%	-
Vốn góp của cổ đông cá nhân	100%	29.000.000.000	100%	29.000.000.000
Cộng	100%	29.000.000.000	100%	29.000.000.000

CÔNG TY CP QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN THÁI DƯƠNG

Phòng 28-10, Tầng 28, Tòa nhà Petroland, Số 12 Tân Trào, P.Tân Mỹ, TP.HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu	Năm nay VND	Năm trước VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	29.000.000.000	29.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	29.000.000.000	29.000.000.000

d) Cổ phiếu	Cuối năm	Đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	2.900.000	2.900.000
Số lượng cổ phiếu bán ra	2.900.000	2.900.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	2.900.000	2.900.000
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	2.900.000	2.900.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	2.900.000	2.900.000
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng (mười nghìn đồng)

11. Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác	Năm nay VND	Năm trước VND
Số dư đầu kỳ	2.280.500	2.275.930
Số tăng trong năm	4.564	4.570
- <i>Lãi từ tiền gửi của NĐT</i>	4.564	4.570
- <i>Thu khác</i>	-	-
Số giảm trong năm	-	-
- <i>Chi khác</i>	-	-
Số dư cuối kỳ	2.285.064	2.280.500

12. Danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác (xem Phụ lục 02)

CÔNG TY CP QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN THÁI DƯƠNG

Phòng 28-10, Tầng 28, Tòa nhà Petroland, Số 12 Tân Trào, P.Tân Mỹ, TP.HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Rắn thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)****VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

1. Tổng doanh thu hoạt động nghiệp vụ	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu hoạt động quản lý quỹ ĐTCK và công ty ĐTCK	846.497.233	947.559.014
Doanh thu hoạt động quản lý danh mục đầu tư	240.000.000	240.000.000
Doanh thu từ hoạt động tư vấn ĐTCK	2.150.000.000	2.500.000.000
Doanh thu hoạt động khác	7.200.000	7.860.000
Cộng	3.243.697.233	3.695.419.014
2. Chi phí hoạt động kinh doanh, giá vốn hàng bán	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí hoạt động quản lý danh mục đầu tư chứng khoán	1.123.680.742	1.358.282.318
Cộng	1.123.680.742	1.358.282.318
3. Doanh thu hoạt động tài chính	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	305.822	1.128.648
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	90.291.000
Lãi từ hoạt động đầu tư chứng khoán	-	-
Cộng	305.822	91.419.648
4. Chi phí quản lý doanh nghiệp	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nhân viên quản lý	1.655.609.970	1.922.277.337
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	348.418.647	439.323.133
Cộng	2.004.028.617	2.361.600.470

CÔNG TY CP QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN THÁI DƯƠNG

Phòng 28-10, Tầng 28, Tòa nhà Petroland, Số 12 Tân Trào, P.Tân Mỹ, TP.HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)****5. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được xác định với thuế suất là 20% trên thu nhập chịu thuế.

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

Bảng ước tính mức thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành của doanh nghiệp được trình bày dưới đây:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	109.388.821	66.955.874
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	9.868.841	(90.291.000)
- Các khoản điều chỉnh tăng	9.868.841	-
+ Chi phí không hợp lý, hợp lệ	9.868.841	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	(90.291.000)
+ Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	(90.291.000)
Tổng thu nhập chịu thuế chưa trừ chuyển lỗ	119.257.662	(23.335.126)
Lỗ từ các năm trước chuyển sang	(119.257.662)	-
Tổng thu nhập chịu thuế sau khi trừ chuyển lỗ	-	(23.335.126)
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Chi phí thuế TNDN tính trên TN chịu thuế năm hiện hành	-	-

6. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	109.388.821	66.955.874
Các khoản điều chỉnh tăng (giảm) lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho CĐ sở hữu CP phổ thông	-	-
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	109.388.821	66.955.874
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	2.900.000	2.900.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	37,72	23,09

CÔNG TY CP QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN THÁI DƯƠNG

Phòng 28-10, Tầng 28, Tòa nhà Petroland, Số 12 Tân Trào, P. Tân Mỹ, TP.HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)****VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC****1. Thông tin về các bên liên quan****1.1 Danh mục các bên liên quan**

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc, Tổng Giám đốc, kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

1.2 Giao dịch với bên liên quan

Trong năm Công ty phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan. Các nghiệp vụ chủ yếu (không bao gồm VAT) như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị giao dịch (VND)
Ông Cao Duy Đông	Cổ đông	Thuê văn phòng	95.000.000
Quỹ Đầu tư Tài chính MKDS	Bên liên quan	Doanh thu từ hoạt động quản lý quỹ	846.497.233

Cho đến ngày 31/12/2025, các khoản chưa được thanh toán với các bên liên quan như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị khoản phải thu/(phải trả) (VND)
Quỹ Đầu tư Tài chính MKDS	Bên liên quan	Phải thu khách hàng	324.565.321

Trong năm 2025, thu nhập của các thành viên HĐQT kiêm nhiệm công tác khác, Ban Giám đốc như sau::

Chức vụ	Năm nay VND	Năm trước VND
CT.HĐQT tham gia điều hành	236.577.600	231.479.500
P.CT tham gia điều hành	456.364.402	475.120.000
BGD	466.156.192	391.000.000
Cộng	1.159.098.194	1.097.599.500

Ghi chú: Thành viên HĐQT thống nhất không nhận thù lao. Thù lao BDH được xác định căn cứ theo quy chế tiền lương của Công ty.

2. Báo cáo bộ phận

Báo cáo bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty.

2.1. Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Hoạt động kinh doanh của Công ty chỉ được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam nên không trình bày Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

2.2. Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty là Quản lý danh mục đầu tư chứng khoán nên không trình bày báo cáo bộ phận.

CÔNG TY CP QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN THÁI DƯƠNG

Phòng 28-10, Tầng 28, Tòa nhà Petroland, Số 12 Tân Trào, P. Tân Mỹ, TP.HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)****3. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính**

	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	17.308.970.604	-	17.659.852.082	-
Đầu tư ngắn hạn	9.412.735.722	-	9.412.735.722	-
Phải thu khách hàng	-	-	-	-
Phải thu hoạt động dịch vụ	324.565.321	-	-	-
Trả trước cho người bán	-	-	-	-
Phải thu khác	1.057.717	-	-	-
Cộng	27.047.329.364	-	27.072.587.804	-
			Giá trị ghi sổ	
			Cuối năm	Đầu năm
Công nợ tài chính				
Các khoản vay			-	-
Phải trả người bán			-	-
Phải trả khác			-	-
Chi phí phải trả			21.803.456	30.072.830
Cộng			21.803.456	30.072.830

Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06/11/2009 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính. Thông tư 210/2009/TT-BTC yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng chưa đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả việc áp dụng giá trị hợp lý nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

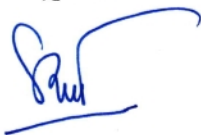
4. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã được Công ty TNHH Kiểm toán NVA kiểm toán.

5. Thông tin về hoạt động liên tục

Trong năm 2025 không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục.

Người lập biểu



Nguyễn Thị Phương Dung

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 03 năm 2026

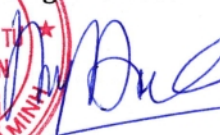
Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Phương Dung



Tổng Giám đốc



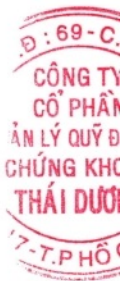
Cao Duy Đông

CÔNG TY CP QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN THÁI DƯƠNG
 Phòng 28-10, Tầng 28, Tòa nhà Petroland, Số 12 Tân Trào, P. Tân Mỹ, TP.HCM
BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

PHỤ LỤC 01

Nội dung	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá gốc (VND)	Giá trị hợp lý (VND)	Giá gốc (VND)	Giá trị hợp lý (VND)
Chứng khoán niêm yết	-	-	-	-
Chứng khoán chưa niêm yết (*)	9.412.735.722	9.412.735.722	9.412.735.722	9.412.735.722
GDICO	318.171.509	318.171.509	318.171.509	318.171.509
CPSCO	2.208.564.213	2.208.564.213	2.208.564.213	2.208.564.213
PMOIL	2.550.000.000	2.550.000.000	2.550.000.000	2.550.000.000
MKDPC	2.500.000.000	2.500.000.000	2.500.000.000	2.500.000.000
CNCKL	1.836.000.000	1.836.000.000	1.836.000.000	1.836.000.000
Cộng	9.412.735.722	9.412.735.722	9.412.735.722	9.412.735.722

(*) Ghi chú: Cổ phiếu chưa niêm yết không có cơ sở để xác định giá trị hợp lý tại thời điểm đầu năm và cuối năm nên được theo dõi bằng với giá gốc của khoản đầu tư.



CÔNG TY CP QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHÚNG KHOÁN THÁI DƯƠNG
 Phòng 28-10, Tầng 28, Tòa nhà Petroland, Số 12 Tân Trào, P. Tân Mỹ, TP.HCM
BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

PHỤ LỤC 02

Nội dung	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá trị đầu tư (VND)	Giá trị thị trường (VND)	Giá trị đầu tư (VND)	Giá trị thị trường (VND)
		Tăng/(giảm) so với giá trị đầu tư (VND)		Tăng/(giảm) so với giá trị đầu tư (VND)
a) Nhà đầu tư ủy thác trong nước	3.810.500.000	-	3.810.500.000	-
Cổ phiếu không niêm yết (*)	3.810.500.000	-	3.810.500.000	-
KSTNC	1.874.500.000	-	1.874.500.000	-
PPACO	1.018.000.000	-	1.018.000.000	-
GPECO	918.000.000	-	918.000.000	-
b) Nhà đầu tư ủy thác nước ngoài	-	-	-	-
Cộng	3.810.500.000	-	3.810.500.000	-

(*) Ghi chú: Cổ phiếu không niêm yết không có cơ sở để xác định giá trị thị trường tại thời điểm đầu kỳ và cuối kỳ nên được ghi nhận bằng với giá trị đầu tư.

